Người ký: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai
Email: hdnd@dongnai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 08.12.2021 16:33:20 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2021/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Xét Tờ trình số 14287/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, đúng mục đích, không trùng lặp.

2. Trường hợp cùng một nội dung, đối tượng áp dụng đồng thời đáp ứng điều kiện được hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này và chính sách khác áp dụng trên địa bàn tỉnh, thì đối tượng áp dụng được lựa chọn một (01) chương trình hỗ trợ phù hợp nhất.

3. Áp dụng phương thức hỗ trợ một lần trong quá trình hoạt động (sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ) của các đối tượng tham gia.

Điều 3. Nội dung và mức chi

1. Thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng:

a) Nội dung chi

- Sản xuất các tác phẩm báo chí, xuất bản (chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết).

- Sản xuất các tác phẩm dưới dạng tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử).

- Sản xuất các chương trình truyền hình, chương trình phát thanh.

- Tạo lập, duy trì, khai thác, phát triển cơ sở dữ liệu để nâng cao năng suất chất lượng phục vụ doanh nghiệp.

- Các nội dung chi khác (in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm).

b) Mức chi: Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (sau viết tắt là Thông tư số 35/2021/TT-BTC) trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật:

a) Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương phục vụ trực tiếp cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng, thiết lập nền tảng tiêu chuẩn hóa cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Nội dung và mức chi khác có liên quan việc tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp

- Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp có thẩm quyền quyết định (*Phụ lục I đính kèm*).

- Thực hiện quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ *(Phụ lục II đính kèm).*

3. Phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung:

a) Nội dung chi

- Thực hiện các nhiệm vụ xác định; tuyển chọn nhiệm vụ; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; xây dựng, triển khai các giải pháp ứng dụng.

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất của các cơ quan thường trực hoặc đầu mối.

- Tổ chức hội thảo khoa học.

- Văn phòng phẩm và dịch vụ công cộng.

- Thi đua khen thưởng.

b) Mức chi

- Chi các nhiệm vụ xác định; tuyển chọn nhiệm vụ; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; xây dựng, triển khai các giải pháp ứng dụng *(Phụ lục II đính kèm).*

- Văn phòng phẩm và dịch vụ công cộng: Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán đã được phê duyệt.

- Thi đua khen thưởng: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và từ nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

4. Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất, dịch vụ thông minh:

a) Nội dung hỗ trợ

- Áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế.

- Thực hành, áp dụng các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP…); quy trình, hệ thống tiên tiến thân thiện với môi trường (thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sản xuất xanh….) và chứng nhận sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực thẩm, môi trường, năng lượng và sức khỏe nghề nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, chuyển đổi số, để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa công tác quản trị hoạt động tại các tổ chức, doanh nghiệp.

- Tham gia và đạt giải giải thưởng chất lượng Quốc gia, giải thưởng chất lượng Quốc tế châu Á - Thái Bình Dương *(nếu có)*.

- Áp dụng các tiêu chuẩn, công cụ khác hỗ trợ sản xuất và dịch vụ thông minh.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% tổng giá trị hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (không bao gồm vốn đối ứng) với tổng giá trị hợp đồng được xây dựng theo nội dung chi và mức chi.

(Phụ lục I đính kèm).

5. Tổ chức hội nghị, công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6. Các nhiệm vụ chi khác phục vụ công tác tổ chức, triển khai để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh không nêu tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số

35/2021/TT-BTC và theo các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi để thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và địa phương theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước, các quy định pháp luật hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách của địa phương.

2. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

3. Nguồn kinh phí của các doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp do doanh nghiệp tự quyết định, tuân thủ các quy định pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện về Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Chính phủ (A + B);
- Bộ KHCN, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB. QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, P.CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

Phụ lục I

NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN)

a) Tiền công lao động trực tiếp.

b) Mua vật tư; nguyên, nhiên vật liệu.

c) Sửa chữa, thuê, mua sắm tài sản cố định.

d) Hội thảo khoa học.

đ) Thuê dịch vụ.

e) Điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

g) Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc (dịch vụ công cộng), in ấn tài liệu.

h) Họp Hội đồng để tự đánh giá kết quả thực hiện.

i) Các công việc quản lý chung.

k) Nội dung chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Mức chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN

a) Tiền công lao động trực tiếp cho các chức danh:

TT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (H_{cd})	Hệ số lao động khoa học (H_{kh})	Hệ số tiền công theo ngày (H_{stcn})	
				Kinh phí nhiệm vụ trên 300 triệu đồng $H_{stcn} = (H_{cd} \times H_{kh})/22$	Kinh phí nhiệm vụ đến 300 triệu đồng $H_{stcn} = [(H_{cd} \times H_{kh})/22] \times 80\%$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,79	0,63
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học	5,42	2,0	0,49	0,39
3	Thành viên	3,66	1,5	0,25	0,20
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,16	0,13

Mức chi được áp dụng theo công thức sau: **Tc = Lcs x Hstcn x Snc**

Trong đó:

Tc: Dự toán tiền công của chức danh

Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định

Hstcn: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh

Snc: Số ngày công của từng chức danh

b) Mua vật tư; nguyên, nhiên vật liệu và sửa chữa, thuê, mua sắm tài sản cố định: Chi theo chế độ, định mức hiện hành *(nếu có)* và các báo giá theo thực tế phát sinh.

c) Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kinh phí nhiệm vụ trên 300 triệu đồng	Kinh phí nhiệm vụ dưới 300 triệu đồng
1	Chủ trì hội thảo	Buổi	1.500.000	1.200.000
2	Thư ký hội thảo	Buổi	500.000	400.000
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	2.000.000	1.600.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.000.000	800.000
5	Thành viên tham gia hội thảo	Buổi/người	200.000	160.000

d) Điều tra, khảo sát thu thập số liệu: Thực hiện theo quy định theo Nghị quyết số 147/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

đ) Họp Hội đồng để tự đánh giá kết quả thực hiện:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kinh phí nhiệm vụ trên 300 triệu đồng	Kinh phí nhiệm vụ dưới 300 triệu đồng
1	**Hội đồng tự đánh giá kết quả**	Nhiệm vụ		
a)	Chủ tịch hội đồng		750.000	650.000
b)	Thành viên hội đồng (Phó Chủ tịch, Thư ký khoa học và các thành viên khác)		500.000	400.000
c)	Thư ký hành chính		150.000	100.000
d)	Đại biểu mời tham dự		100.000	75.000
2	**Chi nhận xét, đánh giá**	Phiếu		
a)	Ủy viên hội đồng		250.000	200.000
b)	Ủy viên phản biện		350.000	300.000

e) Các mức chi khác được áp dụng theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và việc vận dụng các quy định pháp luật hiện hành.

Phụ lục II

NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN:

a) Hoạt động của các Hội đồng tư vấn.

b) Thuê chuyên gia tư vấn độc lập *(nếu có)*.

c) Thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.

d) Tổ chức công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

e) Công tác phí của các chuyên gia mời tham gia;

g) Nội dung chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN.

2. Mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN:

a) Định mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kinh phí nhiệm vụ trên 300 triệu đồng	Kinh phí nhiệm vụ dưới 300 triệu đồng
1	**Chi cho hoạt động tư vấn xác định nhiệm vụ**			
a)	Họp Hội đồng tư vấn xác định xác định nhiệm vụ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.000.000	800.000
	Thành viên hội đồng (Phó Chủ tịch, Thư ký khoa học và các thành viên khác)		800.000	600.000
	Thư ký hành chính		300.000	200.000
	Đại biểu mời tham dự		200.000	150.000
b)	Chi nhận xét, đánh giá	Phiếu		
	Ủy viên hội đồng		300.000	200.000
	Ủy viên phản biện		500.000	400.000
c)	Chi công tác tiếp nhận, phân loại, đánh giá sơ bộ	Hồ sơ	100.000	60.000
2	**Chi cho hoạt động tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ**			

a)	Họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.500.000	1.200.000
	Thành viên hội đồng (Phó Chủ tịch, Thư ký khoa học và các thành viên khác)		1.000.000	800.000
	Thư ký hành chính		300.000	200.000
	Đại biểu mời tham dự		200.000	150.000
b)	Chi nhận xét, đánh giá	Phiếu		
	Ủy viên hội đồng		500.000	400.000
	Ủy viên phản biện		700.000	550.000
3	**Chi cho hoạt động thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ**	Nhiệm vụ		
	Tổ trưởng tổ thẩm định		700.000	600.000
	Thành viên tổ thẩm định		500.000	400.000
	Thư ký hành chính		300.000	200.000
	Đại biểu mời tham dự		200.000	150.000
4	**Chi cho hoạt động tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ**			
a)	Họp Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.500.000	1.200.000
	Thành viên hội đồng (Phó Chủ tịch, Thư ký khoa học và các thành viên khác)		1.000.000	800.000
	Thư ký hành chính		300.000	200.000
	Đại biểu mời tham dự		200.000	150.000
b)	Chi nhận xét, đánh giá	Phiếu		
	Ủy viên hội đồng		500.000	400.000
	Ủy viên phản biện		700.000	550.000

b) Thuê chuyên gia tư vấn độc lập: Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 05 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng và do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN quyết định và chịu trách nhiệm.

c) Thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông: Theo mức chi thực tế phát sinh dựa trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông thực hiện đăng tin.

d) Tổ chức hoạt động kiểm tra, đánh giá giữa kỳ thực hiện nhiệm vụ:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kinh phí nhiệm vụ trên 300 triệu đồng	Kinh phí nhiệm vụ dưới 300 triệu đồng
1	**Họp Hội đồng kiểm tra, đánh giá giữa kỳ**	Nhiệm vụ		
a)	Chủ tịch hội đồng		750.000	650.000
b)	Thành viên hội đồng (Phó Chủ tịch, Thư ký khoa học và các thành viên khác)		500.000	400.000
c)	Thư ký hành chính		150.000	100.000
d)	Đại biểu mời tham dự		100.000	75.000
2	**Chi nhận xét, đánh giá**	Phiếu		
a)	Ủy viên hội đồng		250.000	200.000
b)	Ủy viên phản biện		350.000	300.000

đ) Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến các hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN được dựa trên cơ sở khối lượng công việc và áp dụng theo các chế độ, định mức và quy định của pháp luật hiện hành./.